Câu 1. Phân tích những điều kiện, tiền đề ra đời chủ nghĩa Mác?

**\* Chủ nghĩa Mác:**

* là hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen và sự phát triển của Lênin
* ***Nguồn gốc:*** hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa những giá trị tư tưởng của nhân loại và tổng kết thực tiễn thời đại
* ***Vai trò:*** là thế giới quan, phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng
* ***Mục đích:*** là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người

1. **Điều kiện kinh tế - xã hội**

* **Nhờ cuộc CMCN** (cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19), **nền công nghiệp phát triển, CNTB ra đời** (thể hiện *tính hơn hẳn* so với chế độ phong kiến: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp *chưa đầy một thế kỷ*, *đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn* và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của *tất cả các thế hệ trước kia gộp lại*.”)
* (Trong xã hội hình thành nên) **hai giai cấp đối lập: vô sản và tư sản**
* **Mâu thuẫn xã hội** ngày càng **gay gắt.** Các cuộc **đấu tranh giai cấp** xảy ra những đều **thất bại (cần LLCM)**. Ví dụ:
* Cuộc khởi nghĩa của thợ dệt Lyon (Pháp) năm 1831, 1834
* Phong trào Hiến chương ở Anh cuối những năm 30 của thế kỉ XIX
* Cuộc đấu tranh của thợ dệt ở Xilêdi (Đức) năm 1832
* Do nhu cầu **thực tiễn của CMVS**, **CN Mác ra đời** đáp ứng yêu cầu là **vũ khí LLCM**

**“CMCN => CNTB => Mâu thuẫn VS – TS => Đấu tranh (thất bại) => cần LLCM => CN Mác”**

1. **Tiền đề lý luận**

* **Triết học cổ điển Đức:**
  + Hêghen: **phép biện chứng (tự nhiên)** >< **duy tâm, thần bí**
  + Phơ bách: **CNDV tự nhiên** ><  **CNDT xã hội** (tôn giáo tình yêu); tính chưa triệt để, máy móc, **siêu hình**

**=>** (*Kế thừa có chọn lọc và sáng tạo*) **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

* **Kinh tế chính trị học cổ điển Anh: (A.X-mít và Đ.Ri-các-đô)**

Kế thừa quan điểm duy vật trong khoa học, kinh tế - chính trị, học thuyết giá trị về lao động đồng thời phê phán và khắc phục tính chất chưa triệt để và phương pháp siêu hình

**=>** **Chủ nghĩa duy vật lịch sử**

* **Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp**
  + Khắc phục tính không tưởng

=> Xây dựng chế độ **cộng sản chủ nghĩa**, tìm ra *sứ mệnh lịch sử* của giai cấp công nhân

1. **Tiền đề khoa học tự nhiên**
   * **Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng:**

Mối quan hệ không tách rời nhau, sự chuyển hóa lẫn nhau và được bảo toàn của các hình thức vận động của vật chất trong giới tự nhiên

Vật chất không mất đi mà nó chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác

* + **Học thuyết tế bào**

Sự thống nhất về mặt nguồn gốc, hình thái và cấu tạo vật chất của cơ thể thực vật, động vật: **Tế bào**

Thực vật, động vật đến con người có chung nguồn gốc và đều được cấu thành từ tế bào liên kết lại với nhau thành một thể thống nhất

**Học thuyết tiến hóa của Đác Uyn:**

Chọn lọc tự nhiên, con người tiến hóa từ loài vượn cổ

Tính tất yếu khách quan của quá trình phát triển các loài sinh vật trên trái đất=> **Nguyên lý về sự phát triển**

=> Như vậy, CN Mác ra đời là một **tất yếu lịch sử**: **kết quả của nền kinh tế - xã hội**, **kết quả tri thức của nhân loại** (khách quan). Đồng thời còn là **kết quả của sự sáng tạo, tính nhân văn của Mác và Angghen** (chủ quan).

Câu 2. Trình bày nội dung vấn đề cơ bản của triết học.

\*Vấn đề cơ bản của triết học:

Theo Ăngghen: “**Vấn đề cơ bản** lớn của mọi triết học, đặc biệt là triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa **tư duy và tồn tại.**”

1. Giải quyết mối quan hệ VC – YT

* Chủ nghĩa duy vật:
  + - Gồm 3 loại:

+ ***Cổ đại:*** trực quan, ngây thơ, chất phác

+ ***Siêu hình:*** sự tăng, giảm đơn thuần về số lượng và do những nguyên nhân bên ngoài gây nên

+ Biện chứng

* + - Bản chất của thế giới là vật chất
    - Vật chất có trước, quyết định ý thức, ý thức chỉ là sự phản ảnh của vật chất
    - Vật chất là tính thứ nhất, ý thức là tính thứ hai
* Chủ nghĩa duy tâm:
  + - Gồm 2 loại:

+ ***Khách quan:*** cho ý niệm tuyệt đối, tinh thần thế giới hay lực lượng siêu tự nhiên nào đó ở ngoài con người là nguồn gốc của thế giới

+ ***Chủ quan:*** ý thức, cảm giác ở trong đầu con người là có trước vật chất, quyết định vật chất

* + - Bản chất của thế giới là ý thức
    - Ý thức có trước, quyết định vật chất
    - Ý thứ là tính thứ nhất, vật chất là tính thứ hai
* Thuyết nghị nguyên luận:

VC – YT không nằm trong quan hệ sản sinh, không cái nào quyết định cái nào

2. Con người có khả năng nhận thức không?

* Khả tri luận

Đa số nhà triết học thừa nhận khả năng nhận thức của con người

* Bất khả tri luận

Một số nhà triết học phủ nhận khả năng nhận thức của con người

* Thuyết hoài nghi

Nâng cao sự hoài nghi lên thành nguyên tắc trong nhận thức

**Câu 3:** Tại sao vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại hay quan hệ giữa vật chất và ý thức được xem là vấn đề cơ bản của triết học?

\*Vấn đề cơ bản của triết học:

Theo Ăngghen: “**Vấn đề cơ bản** lớn của mọi triết học, đặc biệt là triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa **tư duy và tồn tại.**”

* Là mối quan hệ rộng nhất và bao trùm hiện thực khách quan => Triết học chỉ nghiên cứu những mối quan hệ chung nhất của thế giới => Nếu không nghiên cứu mối quan hệ này thì triết học không tồn tại.
* Giải quyết vấn đề này là cơ sở để giải quyết tất cả các vấn đề triết học khác còn lại của triết học
* Là tiêu chuẩn để xác định lập trường, thế giới quan của triết gia và học thuyết của họ => Phân định các trường phái khác nhau, các triết gia khác nhau.
* Các nhà triết học trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia giải quyết quan hệ này

**Câu 4:** Phân tích định nghĩa vật chất của Lênin và rút ra ý nghĩa khoa học của định nghĩa?

* **Định nghĩa:**

“Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác.”

* *Vật chất* **là một** **phạm trù triết học**:
  + Vật chất rất rộng
  + Vật chất trong quan niệm triết học khác với vật chất của các ngành khoa học khác (khái quát hơn)
    - Phản ánh một thuộc tính chung, vĩnh hằng với mọi dạng vật chất, vô hạn và không được sinh ra hay mất đi
    - Dạng cụ thể của vật chất, có cấu trúc, có sự sinh ra và mất đi, hữu hạn
* *Vật chất* **chỉ thực tại khách quan:**
  + **Là tất cả những gì tồn tại bên ngoài độc lập với ý thức con người** (trái đất, ngôi sao, điện tử, nước, lửa, không khí, ánh sáng, v.v…). Con người có tồn tại hay không tồn tại, có biết hay không biết chúng thì chúng vẫn tồn tại tự thân chúng.
  + Thực tại khách quan là tiêu chuẩn cần và đủ để **phân biệt** cái gì là **vật chất**, cái gì không là vật chất. Điều này nói lên rằng: Vật chất có nhiều thuộc tính nhưng thuộc tính thực tại khách quan là thuộc tính cơ bản nhất, quan trọng nhất của vật chất.
* *Vật chất* **được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác**:
  + Vật chất rất rộng nhưng **không tồn tại trừu tượng, lơ lửng** ở đâu đó mà tồn tại một cách hiện thực thông qua các **dạng cụ thể** và bằng cách trực tiếp hay gián tiếp mà **con người có thể nhận thức** được về chính nó.

**=> Vật chất tại độc lập bên ngoài với con người và gây cảm giác; ý thức con người chỉ là sự phản ánh thể giới vật chất.**

* **Ý nghĩa khoa học của định nghĩa:**
  + **Giải quyết triệt để hai mặt trong vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường duy vật biện chứng.** (Mặt thứ nhất đã được Lênin khẳng định rõ vật chất – thực tại khách quan là có trước; cảm giác, ý thức của con người là có sau (chép lại, chụp lại – nghĩa là có sau vật chất). Mặt thứ hai được V.I. Lênin khẳng định cảm giác của con người chép lại được, chụp lại được, phản ánh lại được thực tại khách quan. Nghĩa là ý thức có thể phản ánh, nhận thức được vật chất. Trên cơ sở đó củng cố, khẳng định thế giới quan duy vật biện chứng.)
  + **Khắc phục được hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật siêu hình.**
  + **Cung cấp căn cứ nhận thức khoa học để xác định những gì thuộc về vật chất; tạo lập cơ sở lý luận cho việc xây dựng quan điểm duy vật lịch sử, khắc phục được những hạn chế duy tâm trong quan niệm về xã hội.**

**Câu 6:** Quan điểm của CNDVBC về nguồn gốc và bản chất của ý thức?

* Nguồn gốc của ý thức:
  + Nguồn gốc tự nhiên
    - Ý thức là dạng vật chất đặc biệt, có phản ánh cao trong bộ não con người
    - Phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của hệ thống vật chất này bởi hệ thống vật chất khác khi tác động qua lại lẫn nhau
    - Các hình thức phản ánh:
      * Lý hóa: đặc trưng cho vật chất vô sinh (cơ, lý, hóa), mang tính thụ động
      * Sinh học: đặc trưng cho giới tự nhiên hữu sinh (tính kích thích, tính cảm ứng, phản xạ)
      * Tâm lý: động vật có hệ thần kinh trung ương thực hiện trên cơ chế phản xạ có điều kiện
      * Ý thức: ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất vào trong bộ não người, mang tính chủ động (lựa chọn, xử lý => ý nghĩa)
  + Nguồn gốc xã hội **(Lao động và ngôn ngữ)**

**Lao động (ý thức) => mối quan hệ => giao tiếp => ngôn ngữ**

* + - *Lao động* là quá trình con người tác động vào thế giới vật chất làm nó bộc lộ ra những thuộc tính, đặc điểm, kết cấu, những quy luật vận động của nó => Hiện tượng quan sát được => Tác động nên bộ não con người hình thành nên tri thức về tự nhiên, xã hội.

Lao động hoàn thiện con người, bộ não và các giác quan, làm cho nhận thức, tư duy ngày càng tốt hơn (Ví dụ). Trong lao động hình thành nên các mối quan hệ xã hội khác nhau và ý thức khác nhau

* + - *Ngôn ngữ* là hệ thống chứa đựng thông tin mang nội dung ý thức. Lao dộng hình thành nên các mối quan hệ, nhu cầu giao tiếp làm này sinh ngôn ngữ. Nhờ ngôn ngữ con người không chỉ gắn kết với nhau hơn, mà còn đúc kết, truyền lại tri thức, kinh nghiệm, tư tưởng từ thế thế hệ này sang thế hệ khác.

=> Nguồn gốc tự nhiên là điều kiện cần, nguồn gốc xã hội là điều kiện đủ. Lao động là điều quyết định nên sự hình thành ý thức.

* Bản chất của ý thức
  + *Ý thức là sự phản ánh có tính chất năng động, sáng tạo của bộ óc con người về thế giới khách quan:* tiếp nhận, chọn lọc, xử lý, lưu giữ thông tin => tạo nên tri thức mới (cùng một bài toán mà người này có thể giải được mà người kia thì không do lượng tri thức chưa tích lũy đủ)
  + *Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan*: Vật chất phản ánh vào trong bộ não người. Trong bộ não, hình ảnh nguyên bản đã được cải biến, chọn lọc để tạo ra hình ảnh mới nhưng hình ảnh đó chịu sự quy định cả về nội dung lẫn hình thức của bản thân sinh vật.
  + *Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội*: Sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự tri phối của các quy luật tự nhiên và quy luật xã hội.

**Câu 7:** Phân tích nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý?

* **Khái niệm**
  + *Mối liên hệ*: dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật, hiện tượng trong thế giới.
  + *Mối liên hệ phổ biến*: dùng để chỉ các mối liên hệ biện chứng tồn tại trong nhiều sự vật, hiện tượng, trong mọi không gian và thời gian và trong mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. (Lượng – chất, Cái chung – cái riêng, khẳng định – phủ định, …)
* **Tính chất** (cần thêm VD)
  + *Khách quan*: Mối liên hệ **là cái vốn có** của các sự vật, hiện tượng; con người chỉ nhận thức và vận dụng mà thôi. Không có các mối liên hệ này thì bản thân sự vật không tồn tại.

VD: theo lực hút - đẩy, đồng hóa – dị hóa, cung – cầu của hàng hóa trong thị trường…

* + *Phổ biến*
    - Có trong tất cả các sự vật, hiện tượng, trong tự nhiên, xã hội và tư duy (người – người, người – tự nhiên, …)
    - Các giai đoạn, quá trình tồn tại của sự vật, hiện tượng cũng có mối liên hệ với nhau
    - Các yếu tố, bộ phận cấu thành nên sự vật, hiện tượng đều có liên hệ với nhau.
  + *Đa dạng, phong phú*: **Các sự vật, hiện tượng khác nhau** có những mối liên hệ khác nhau. Trong **không gian, thời gian khác nhau** có những mối liên hệ khác nhau. Ở **các giai đoạn khác nhau** cũng có những mối liên hệ khác nhau.
* **Ý nghĩa phương pháp luận:**
  + Khách quan, phổ biến => *quan điểm toàn diện*:
    - Trong nhận thức và thực tiễn, để nhận thức thức được bản chất của sự vật, hiện tượng cần **đặt sự vật, hiện tượng đó trong tổng thể các mối liên hệ** với các sự vật, hiện tượng khác, giữa các mặt và các yếu tố cấu thành nên sự vật, hiện tượng đó.
  + Đa dạng và phong phú => *quan điểm lịch sử - cụ thể:*
    - Phân loại các mối liên hệ để có cách giải quyết phù hợp
    - Chống quan điểm phiến diện, ngụy biện

Đặt sự vật trong hoàn cảnh lịch sử - cụ thể phát sinh

**Câu 8:** Phân tích nội dung nguyên lý về sự phát triển và ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý

* **Khái niệm**: là quá trình vận dộng của sự vật theo khuynh hướng đi lên: thấp => cao, đơn giản => phức tạp, kém hoàn thiện => hoàn thiện hơn

(VD: Con người, kỹ thuật, công nghệ, phương tiện đi lại)

* **Tính chất:**
  + *Khách quan*: Nguồn gốc của sự phát triển nằm bên trong bản thân sự vật (tự thân), do sự liên hệ, tương tác của các mặt đối lập trong sự vật quy định
  + *Phổ biến*: Diễn ra trong tất cả mọi lĩnh vực, từ tự nhiên, xã hội đến tư duy, diễn ra mọi lúc, mọi nơi.
  + *Đa dạng, phong phú*: Mỗi sự vật, hiện tượng có **quá trình phát triển không giống nhau**, tùy thuộc vào mối liên hệ của nó. Trong không gian, thời gian khác nhau (Mối liên hệ khác nhau) thì sự vật phát triển sẽ khác nhau. (VD: Chẳng hạn, ở thế giới hữu cơ, phát triển thể hiện ở sự tăng cường khả năng thích nghi của cơ thể trước môi trường; ở khả năng tự sản sinh ra chính mình với trình độ ngày càng hoàn thiện hơn. Trong xã hội, phát triển thể hiện ở khả năng chinh phục tự nhiên, cải tạo xã hội phục vụ con người. Trong tư duy, phát triển thể hiện ở việc nhận thức vấn đề gì đó ngày càn đầy đủ, đúng đắn hơn.) – Phức tạp, rẽ nhánh, thụt lùi
* **Ý nghĩa phương pháp luận**
  + *Quan điểm phát triển*: Luôn đặt sự vật, hiện tượng theo khuynh hướng đi lên. Phát triển là một quá trình biện chứng, bao hàm tính thuận nghịch, đầy mâu thuẫn, vì vậy đòi hỏi phải nhận thức được trính quanh co, phức tạp của sự vật, hiện tượng trong quá trình phát triển. Khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ.
  + *Quan điểm lịch sử - cụ thể*: Xem xét sự vật, hiện tượng trong quá trình phát triển cần phải đặt quá trình đó trong nhiều giai đoạn khác nhau, trong mối quan hệ biện chứng giữa quá khứ, hiện tại và tương lai trên cơ sở khuynh hướng phát triển đi lên theo dúng quy luật.

**Câu 9:** Phân tích nội dung cơ bản của phạm trù cái chung và cái riêng? Ý nghĩa phương pháp luận của cặp phạm trù này?

* **Khái niệm:**
  + *Cái riêng*: là một **phạm trù triết học** dùng để chỉ **một sự vật, hiện tượng hay một quá trình riêng lẻ** nhất định
  + *Cái chung*: là một **phạm trù triết học** dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính, quá trình **giống nhau và lặp lại** ở nhiều sự vật, hiện tượng hay quá trình riêng lẻ.
  + *Cái đơn nhất*: là một **phạm trù** dùng để chỉ những nét, những mặt, những thuộc tính, … chỉ tồn tại ở một sự vật, hiện tượng nào đó mà **không lặp lại** ở sự vật, hiện tượng khác.

(quả bưởi – quả quýt)

* **Mối quan hệ biện chứng:**
  + Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng để biểu hiện sự tồn tại của mình. (Cùi dày, nhiều mùi, nhiều tép là cái chung giữa các quả bưởi; Cùi, múi, tép (cái chung) phải tồn tại trong một quả bưởi (cái riêng))
  + Cái riêng chỉ tồn tại trong quan hệ với cái chung
  + Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung; cái chung là cái bộ phận, sâu sắc, bản chất hơn cái chung
  + Cái đơn nhất và cái chung có thể chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định (một sáng kiến khi mới ra đời nó là cái đơn nhất, thông qua áp dụng và phổ biến sáng kiến đó có thể chuyển thành cái chung
* **Ý nghĩa phương pháp luận:**
  + Muốn nhận thức cái chung phải thông qua nghiên cứu nhiều cái riêng
  + Tìm cái chung để cải tạo cái riêng đồng thời phải cụ thể hóa cái chung trong từng hoàn cảnh cụ thể.
  + Không tuyệt đối hóa cái chung (giáo điều) hay cái đơn nhất (xét lại, bảo thủ, trì trệ)
  + Chuyển đổi cái đơn nhất có lợi thành cái chung và cái chung bất lợi trở thành đơn nhất

**Câu 10:** Phân tích nội dung cơ bản của phạm trù nguyên nhân và kết quả? Ý nghĩa phương pháp luận của cặp phạm trù này?

* **Khái niệm:**
  + *Nguyên nhân* là **phạm trù** chỉ sự **tác động lẫn nhau** giữa **các mặt** trong một sự vật hoặc giữa **các sự vật** với nhau **gây ra một biến đổi nhất định** nào đó
  + *Kết quả* là **những biến đổi xuất hiện** do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra
* **Tính chất:** 
  + *Khách quan*: Liên hệ nhân quả là cái vốn có của sự vật, không phụ thuộc vào ý thức con người
  + *Phổ biến*: Có trong mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội
  + *Tất yếu*: Một nguyên nhân + ĐK hoàn cảnh => Kết quả tương ứng
* **Mối quan hệ biện chứng**
  + **Nguyên nhân sinh ra kết quả**, là cái có trước, còn kết quả chỉ xuất hiện sau khi nguyên nhân bắt đầu tác động. Không phải quan hệ trước sau nào về mặt thời gian cũng là quan hệ nhân quả
  + **Nguyên nhân và kết quả rất phức tạp:**
    - Một nguyên nhân => Nhiều kết quả
    - Một kết quả <= Nhiều nguyên nhân
    - Nguyên nhân tác động cùng chiều / ngược chiều => nhanh hình thành kết quả / hạn chế, triệt tiêu
  + **Kết quả tác động ngược trở lại nguyên nhân:**
    - Thúc đẩy (tích cực)
    - Kìm hãm (tiêu cực)
  + **Nguyên nhân và kết quả có thể chuyển hóa lẫn nhau**. Trong mối quan hệ này là nguyên nhân, trong mối quan hệ khác là kết quả => Chuỗi nhân quả là vô tận, không có điểm đầu và điểm cuối.
* **Ý nghĩa phương pháp luận**
  + Vì nguyên nhân luôn xuất hiện trước kết quả nên trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải bắt đầu từ việc **đi tìm nguyên nhân** xuất hiện sự vật, hiện tượng
  + Một kết quả có thể do nhiều nguyên nhân sinh ra, các nguyên nhân này lại có vai trò khác nhau trong việc hình thành kết quả, nên cần **phân loại nguyên nhân** để có biện pháp giải quyết đúng đắn
  + Kết quả tác động trở lại đối với nguyên nhân, vì vậy cần **tận dụng kết quả đạt được** tạo điều kiện cho nguyên nhân phát huy tác dụng nhằm đạt được mục đích đề ra

**Câu 11:** Có thể đồng nhất quan hệ hàm số với quan hệ nhân quả được hay không? Tại sao?

Không thể đồng nhất quan hệ hàm số với quan hệ nhân quả được, vì:

* Hàm số y = f(x) là một quan hệ phụ thuộc, với mỗi x sẽ cho ta một y; còn quan hệ nhân quả là quan hệ sản sinh (NN => KQ)
* Với mỗi x sẽ chỉ có một y những nhiều nguyên nhân có thể dẫn đến một kết quả
* Kết quả có tác động ngược trở lại nguyên nhân theo hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm còn quan hệ hàm số thì không có tính chất này
* Nguyên nhân – kết quả có thể chuyển hóa lẫn nhau còn trong quan hệ hàm số thì x và y không thể chuyển hóa cho nhau được

**Câu 12:** Trình bày nội dung quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất và ngược lại. Ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động thực tiễn?

* Vai trò: Chỉ ra phương thức, cách thức của sự vận động và phát triển của sự vật và hiện tượng
* Khái niệm:
  + **Chất** là phạm trù triết học chỉ tính khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; Là sự thông nhất hữu cơ của các thuộc tính cấu thành nó, phân biết nó với cái khác
    - Chất tạo thành từ các thuộc tính khách quan
    - Chất là tổng hợp nhiều thuộc tính (cơ bản và không cơ bản). Cơ bản => chất sinh vật
    - Chất chịu sự quy định bởi phương thức liên kết giữa các thuộc tính cấu thành
  + **Lượng** là phạm trù triết học chỉ tính khách quan vốn có của sự vật về: số lượng (ít – nhiều), quy mô (lớn – nhỏ), nhịp điệu (nhanh – chậm), kích thước (dài – ngắn), trình độ (cao – thấp), …
    - Tồn tại khách quan
    - Biểu hiện cả bên trong và bên ngoài của sự vật
    - Con số, thuật ngữ trừu tượng
    - Một sự vật có thể có nhiều lượng khác nhau
* Mối quan hệ biện chứng:
  + **Lượng biến đổi dần dần dẫn tới sự thay đổi về chất**

Lượng thay đổi dần dần – vượt quá giới hạn độ - tại điểm nút => Chất cũ mất đi, chất mới ra đời => Lượng mới => Tiếp tục ….. (quá trình vận động và phát triển)

* + - Độ: phạm trù triết học chỉ khoảng giới hạn mà tại đó có sự tích lũy là lượng nhưng chưa làm thay đổi về chất
    - Điểm nút: Thời điểm mà lượng tích lũy đủ và dẫn đến sự thay đổi về chất
    - Bước nhảy: Sự chuyển đổi từ chất cũ sang chất mới do quý trình tích lũy về lượng trước đó gây ra, kết thúc của giai đoạn và khởi đầu của giai đoạn khác
      * Quy mô: Toàn bộ - cục bộ
      * Nhịp điệu: Đột biến – dần dần
  + **Chất mới ra đời lại có tác động trở lại lượng của sự vật**
    - Chất mới ra đời sẽ quy định một lượng mới biểu hiện ở: quy mô, trình độ, nhịp điệu vận động và phát triển mới => Giới hạn độ mới, điểm nút mới
* **Ý nghĩa phương pháp luận:**
  + Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải chống tư tưởng nôn nóng, đốt cháy giai đoạn, đi đường tắt khi chưa tích lũy đủ về lượng mà đòi thay đổi về chất
  + Chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ khi đã tích lũy đủ về lượng nhưng không thực hiện bước nhảy
  + Vận dụng linh hoạt các hình thức của bước nhảy

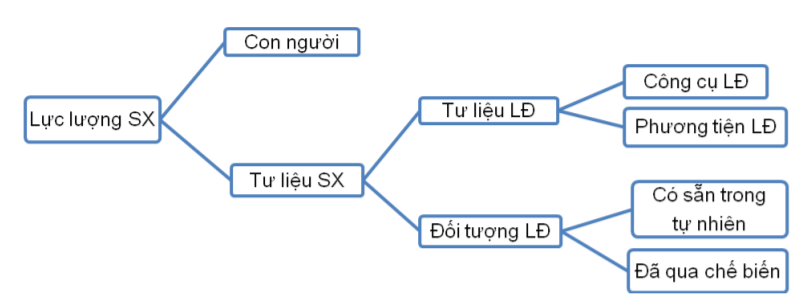
**Câu 13:** Tại sao nói, trong các hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn, hoạt động sản xuất vật chất đóng vai trò quyết định nhất?

* Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất c ó mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội
* Tính chất:
  + Tính cộng đồng xã hội
  + Tính lịch sử cụ thể
  + Tính sáng tạo, cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người
* Các hình thức cơ bản của thực tiễn:
  + Hoạt động sản xuất vật chất
  + Hoạt động chính trị - xã hội
  + Hoạt động thực nghiệm khoa học
* Trong các hình thức hoạt động thực tiễn, hoạt động sản xuất vật chất đóng vai trò quyết định nhất vì:
  + Trực tiếp tạo ra của cải, vật chất trong xã hội, quyết định sự sinh tồn của xã hội
  + Quy định hai hoạt động còn lại
  + Hai hoạt động chỉ dùng để phục vụ cho hoạt động sản xuất vật chất

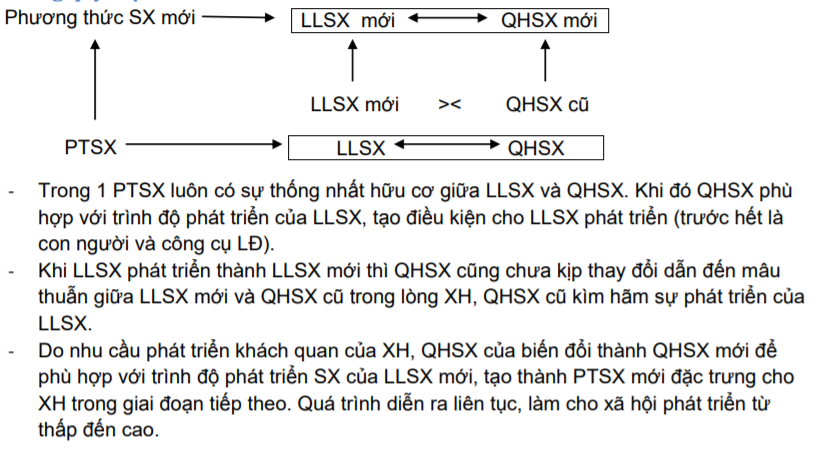
**Câu 14**: Thực tiễn là gì? Phân tích vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

* Khái niệm:
  + **Thực tiễn** là toàn bộ **hoạt động vật chất** **có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội**
  + **Nhận thức** là quá trình **phản ánh tích cực, tự giác và sáng tạo thể giới khách quan vào bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn, nhằm sáng tạo ra những tri thức mới về thế giới khách quan**
* ***Tính chất của thực tiễn:***
  + Tính cộng đồng xã hội
  + Tính lịch sử cụ thể
  + Tính sáng tạo, cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người
* ***Các hình thức cơ bản của thực tiễn:***
  + Hoạt động sản xuất vật chất: là hoạt động cơ bản nhất, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội
  + Hoạt động chính trị - xã hội: là hoạt động đấu tranh giai cấp, dân tộc; thúc đẩy sự phát triển văn minh xã hội và nhân loại
  + Hoạt động thực nghiệm khoa học: là hoạt động thí nghiệm, thực nghiệm bằng các phương tiện vật chất của khoa học; thúc đẩy quá trình nhận thức của con người về thế giới khách quan, góp phần nâng cao đời sống của con người.
* ***Vai trò của thực tiễn đối với quá trình nhận thức***
  + **Cơ sở của nhận thức**
    - Thế giới khách quan không tự bộc lộ các thuộc tính, tính chất của nó => con người phải sử dụng công cụ lao động (hoạt động thực tiễn) để làm cho nó bộc lộ ra những thuộc tính, tính chất đó => Nhận thức => Tri thức
    - Nhờ hoạt động thực tiễn => giác quan, não bộ ngày càng hoàn thiện => Nhận thức ngày càng sâu sắc
  + **Động lực của nhận thức**
    - Hoạt động thực tiễn đưa ra những yêu cầu, nhu cầu đòi hỏi phải đáp ứng được nó, là những đơn đặt hàng, khi đáp ứng được thì bắt buộc nhận thức phải phát triển => Thực tiễn là động lực thúc đẩy nhận thức phát triển
  + **Mục đích của nhận thức**
    - Thông qua quá trình nhận thức, các tri thức mới của con người được hình thành, những tri thức đó được áp dùng vào hoạt động thực tiễn, lao động sản xuất, làm cho xã hội ngày càng vận động phát triển
  + **Tiêu chuẩn kiểm tra chân lý**
    - Tri thức con người đạt được thông qua nhận thức phải được thực tiễn kiểm nghiệm mới **khẳng** định được chân lý, đúng sai.

**Câu 15:** Phân tích nội dung quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất? Đảng Cộng sản Việt nam đã vận dụng quy luật này như thế nào trong quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta?



* Lực lượng sản xuất: là biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất.
* Trình độ phát triển của LLSX phản ánh trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người.
  + Kinh nghiệm
  + Chuyên môn hóa
  + Trình độ ứng dụng khoa học, kĩ thuật
  + Phát triển công cụ lao động
* Quan hệ sản xuất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất
  + Về sở hữu Tư liệu sản xuất
  + Về tổ chức phân công lao động, quản lý lao động
  + Về phân phối sản phẩm



* Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất
  + LLSX quyết định sự ra đời của một QHSX mới
  + Quyết định sự phát triển, thay đổi của một QHSX
  + Quyết định sự thay đổi về chất của một QHSX
* QHSX tác động trở lại LLSX
  + Quy định mục đích sản xuất
  + Quy định cách thức quản lý sản xuất
  + Quy định phương thức phân phối của cải ít hay nhiều mà người lao động được hưởng

Sự tác động trở lại có thể theo hai hướng:

* Thúc đẩy (phù hợp): trạng thái ba mặt QHSX tạo điều kiện cho LLSX phát triển
* Kìm hãm (không phù hợp): QHSX quá cũ và lạc hậu hoặc tiên tiến một cách giả tạo

=> Tóm lại quy luật QHSX phù hợp với trình độ LLSX là một quy luật chung phổ biến chi phối toàn bộ tiến trình lịch sử phát triển của nhân loại, quy định các hình thái kinh tế từ thấp đến cao.

* Vận dụng của Đảng:

1976 - 1986:

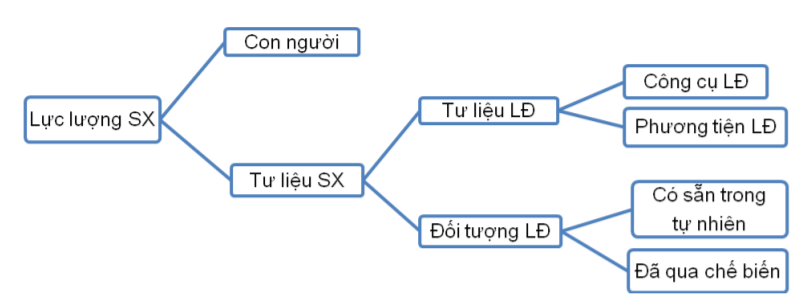
* + Quan liêu, bao cấp => kìm hãm sản xuất vật chất => Kinh tế lạc hậu, trì trệ và kém phát triển
  + 2 thành phần kinh tế: Nhà nước và hợp tác xã
  + Tiền tệ mất giá trị, phân phát bình quân theo tem phiếu

=> Nhà nước vận dụng sai quy luật kinh tế thị trường làm cho nền kinh tế trì trệ, kém phát triển

1986 đến nay

* Áp dụng cơ chế thị trường cùng với sự quản lý của nhà nước

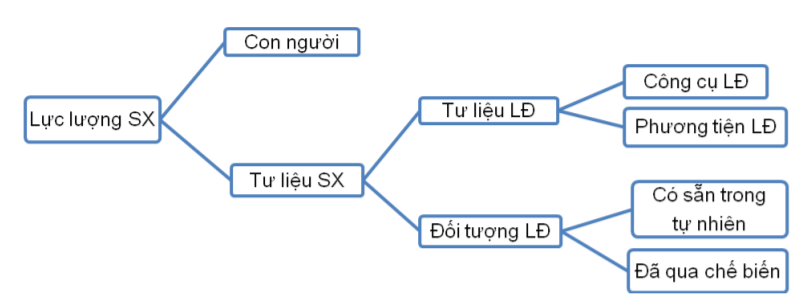
**Câu 16:** Tại sao nói công cụ lao động là yếu tố động nhất và cách mạng trong LLSX?



* Lực lượng sản xuất: là biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất
* Công cụ lao động là yếu tố động nhất và cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất vì:
  + CCLĐ là sản phẩm của con người. Để tăng năng suất và giảm sức lao động, CCLĐ luôn được cải tiến, sáng tạo
  + CCLĐ là tiêu chuẩn phân định các thời đại kinh tế khác nhau

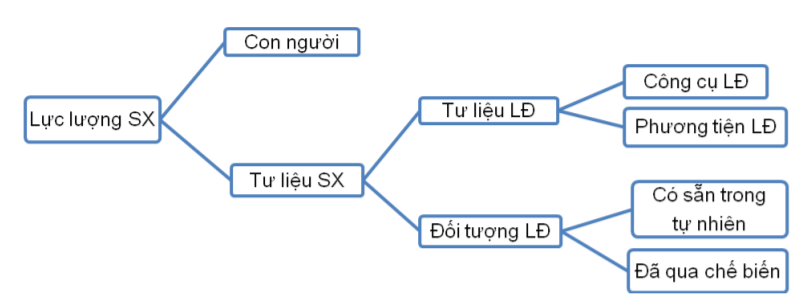
(Cối xay chạy bằng tay quay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng hơi nước đem lại xã hội tư bản)

**Câu 17:** Tại sao nói trong kết cấu LLSX, người lao động là LLSX hàng đầu?



* Lực lượng sản xuất: là biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất
* Người lao động là LLSX hàng đầu vì:
  + CCLĐ do con người quyết định.
  + Đối tượng lao động cũng do con người quyết định
  + Tư liệu sản xuất lao động của con người, giá trị và hiệu quả thực tế của TLSX phụ thuộc vào trình độ và sự sáng tạo của con người

**Câu 18:** Tại sao nói ngày nay khoa học trở thành LLSX trực tiếp?



* Lực lượng sản xuất là biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất
* Ngày nay, khoa học trở thành lựu lượng sản xuất trực tiếp vì:
  + Khoa học sản xuất phát triển tác động trực tiếp đến người lao động, giúp con người nhận thức sâu sắc hơn về thế giới vật chất
  + Khi khoa học phát triển, con người tạo ra nhiều CCLĐ hiện đại hơn và nhiều sản phẩm hơn cho xã hội

**Câu 19:** Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội?

* Khái niệm:
  + Tồn tại xã hội: là sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội
    - Phương thức sản xuất vật chất
    - Điều kiện tự nhiên
    - Dân số
  + Ý thức xã hội: là mặt tinh thần của đời sống xã hội: quan điểm, tư tưởng, truyền thống, thói quen, … phản ảnh và nảy sinh từ tồn tại xã hội.
    - C1: YTXH thông thường – YTXH lý luận
    - C2: Tâm lý xã hội – Hệ tư tưởng xã hội
* Mối quan hệ biện chứng:
  + **TTXH quyết định YTXH**
    - TTXH là nguồn gốc, cơ sở hình thành và phát triển YTXH
    - YTXH phản ánh TTXH => YTXH do TTXH quyết định
    - TTXH thay đổi => sớm muộn YTXH cũng thay đổi theo
  + **Tính độc lập tương đối của TTXH**
    - YTXH thường lạc hậu hơn TTXH
      * YTXH phản ảnh TTXH nên thường đi sau
      * Do thói quen, truyền thống, tập quán => Lạc hậu (tảo hôn, trọng nam khinh nữ, …)
      * Giai cấp gắn liền với tư tưởng lạc hậu, phản động kìm hãm tư tưởng tiến bộ
    - YTXH có thể vượt trước TTXH
      * Trong những điều kiện nhất định, tư tưởng tiến bộ đi trước TTXH
    - YTXH có tính kế thừa
      * YTXH kế thừa cái tích cực và cải tiến cho phù hợp
    - Sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các hình thái YTXH
      * YTXH tồn tại dưới nhiều hình thức (chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, khoa học,…) có tác động qua lại lẫn nhau theo hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm
    - YTXH tác động trở lại TTXH
      * YTXH phản ánh kịp thời và đúng đắn => thúc đẩy TTXH hoặc ngược lại
* Ý nghĩa phương pháp luận:
  + Khi đánh giá về một hiện tượng tinh thần phải xuất phát từ điều kiện vật chất
  + Muốn phát triển YTXH phải thúc đẩy phát triển sản xuất
  + Văn hóa là nền tảng phát triển của quốc gia

**Câu 20:** Tại sao ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội? Cho ví dụ minh họa?

* TTXH là sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội
  + Phương thức sản xuất
  + Điều kiện tự nhiên
  + Dân số
* YTXH là mặt tinh thần của đời sống xã hội (tư tưởng, quan điểm, truyền thống, thói quen, …) phản ảnh TTXH và nảy sinh từ TTXH.
* **YTXH thường lạc hậu hơn TTXH vì:** 
  + YTXH là phản ánh TTXH nên thường đi sau
  + Do thói quen, truyền thống, phong tục tập quán lạc hậu (…)
  + YTXH gắn liền với lợi ích của những giai cấp nhất định => tư tưởng lạc hậu, phản động chống lại tư tưởng tiến bộ
* Ví dụ: Tập tục tảo hôn ở một số địa phương, tập tục ma chay, cưới xin ở các vùng quê

**Câu 21**: Trình bày tính độc lập tương đối của ý thức xã hội? Sinh viên đã phát huy tính độc lập tương đối của Ý thức xã hội như thế nào trong quá trình học tập?

* Khái niệm:
  + **Tồn tại xã hội**: là **sinh hoạt vật chất** và những **điều kiện sinh hoạt vật chất** của xã hội
    - Phương thức sản xuất vật chất
    - Điều kiện tự nhiên
    - Dân số
  + **Ý thức xã hội**: là **mặt tinh thần của đời sống xã hội**: quan điểm, tư tưởng, truyền thống, thói quen, … **phản ảnh và nảy sinh từ tồn tại xã hội.**
    - C1: YTXH thông thường – YTXH lý luận
    - C2: Tâm lý xã hội – Hệ tư tưởng xã hội
* Tính độc lập tương đối của TTXH
  + **YTXH thường lạc hậu hơn TTXH**
    - YTXH phản ảnh TTXH nên thường đi sau
    - Do thói quen, truyền thống, tập quán => Lạc hậu (tảo hôn, trọng nam khinh nữ, …)
    - Giai cấp gắn liền với tư tưởng lạc hậu, phản động kìm hãm tư tưởng tiến bộ
  + **YTXH có thể vượt trước TTXH**
    - Trong những điều kiện nhất định, tư tưởng tiến bộ đi trước TTXH
    - Định hướng, dẫn lối
  + **YTXH có tính kế thừa**
    - YTXH kế thừa cái tích cực và cải tiến cho phù hợp
  + **Sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các hình thái YTXH**
    - YTXH tồn tại dưới nhiều hình thức (chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, khoa học,…) có tác động qua lại lẫn nhau theo hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm
  + **YTXH tác động trở lại TTXH**
    - YTXH phản ánh kịp thời và đúng đắn => thúc đẩy TTXH hoặc ngược lại
* Vận dụng: